

Đơn vị dự toán: Bệnh viện Đa khoa tỉnh

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NINH

ĐÃ NHẬP TABMIS

Số 194 /QLNS

Ngày 16 tháng 2 năm 2022

Mẫu số C6-03/NS
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017)
của Bộ Tài chính
Số: (2)..... Năm NS: 2021

PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Nội dung phân bổ: V/v phê duyệt dự toán và cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thu trong phòng, chống dịch COVID-19(tháng 11/2021)
Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí phòng chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/ Thông báo giao dự toán		Mã loại dự toán	TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số lỗ bùt toán, số ID, Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	Chi đầu tư phát															
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Cấp 0														
		Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)														
		Cấp 4 (Lệnh chi tiền)														
II	Chi thường xuyên	Cấp 0														
		Cấp 1			01	9253	2	1049934	423	130	99999	2811	29		366.515.000	
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)														
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	164/QĐ-SYT	27/01/2022	01	9527	2	1017339	423	132	00000	2811	12	366.515.000		
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT không tự chủ)														
																
...	...	...														

Hà long, ngày 25 tháng 01 năm 2022

CQ tài chính ghi sổ ngày tháng năm

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị (5)

Người nhập

Kiểm soát

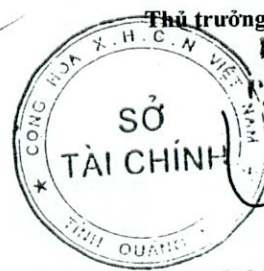
Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thị Vinh









KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

Hà Thị Thanh Lê

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ long, ngày 09 tháng 02 năm 2022

**THUYẾT MINH CHI TIẾT PHẦN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THEO NỘI DUNG,
NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO NĂM 2021**

(PL3 kèm theo mẫu C 06-03/NS)

**Nội dung phân bổ: V/v phê duyệt dự toán và cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng,
chống dịch COVID-19(tháng 11/2021)**

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nhiệm vụ A:	366.515.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly;	5.280.000	Kinh phí T11/2021 theo Nghị quyết 16/NQ-CP
2	Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)	91.195.000	
4	Phụ cấp chống dịch	169.400.000	
5	Hỗ trợ tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly	19.040.000	
6	Kinh phí cho đối tượng được bổ sung theo NQ 36 HĐND tỉnh	81.600.000	NQ 36 HĐND tỉnh
2	Nhiệm vụ B		
			
	Tổng số	366.515.000	

Tổng số tiền (Bằng chữ): Ba trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kê toán
(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Vinh



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

UBND TỈNH QUẢNG NINH
SỞ Y TẾ

Số: 164/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 – Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (tháng 11/2021)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ninh; Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế thực hiện chi chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid 19 (Tháng 11 năm 2021),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (tháng 11/2021).

Số tiền: **3.198.866.000 đồng**, trong đó:

- Kinh phí phụ cấp đặc thù và các chi phí theo NQ 16/NQ-CP: 3.077.086.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn F0, F1: 121.780.000 đồng.

(Chi tiết đơn vị theo phụ lục gửi kèm).

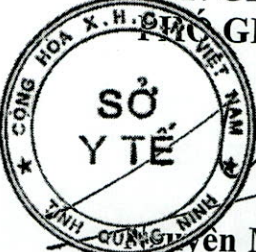
Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí phòng chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2022.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi ngân sách nhà nước được giao, Các đơn vị thực hiện nhập Tabmis 03 bản và thực hiện chi trả các chế độ đặc thù theo đúng hướng dẫn của Sở Tài chính và Nghị quyết 16/NQ-CP. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quy trình, đối tượng, thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính; Chánh văn phòng Sở và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Công TTĐT SYT (C/khai)
- Sở Tài chính;
- KBNN giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC5.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Tuấn

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP THÁNG 11 NĂM 2021

DVT: nghìn đồng

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chỉ	Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly			Hỗ trợ sinh hoạt thiết yếu khác cho người bị áp dụng biện pháp cách ly (40.000đ/ngày)			Chi phí khám, chữa bệnh khác đối với trường hợp người bị áp dụng biện pháp cách ly		Phụ cấp chống dịch			Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)			Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly			KP cho đối tượng được bổ sung theo NQ 36 HĐND Tỉnh			Ban chỉ đạo các cấp			Chi khác PI 1,8
			Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	NSNN hỗ trợ (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)	
	Tổng cộng:	3.077.086	71	486	38.880	325	3.714	105.546	61	76.335	870	7.149	1.853.075	403	2.784	361.855	147	1.858	147.190	554	2.763	286.150	10	429	42.900	165.155
1	TTYT Móng Cái (bv số 1)	417.307	0	0	0	133	1.625	23.854	61	76.335	35	711	184.700	12	59	7.670	21	516	41.280	15	90	9.000				74.468
2	Bệnh viện Phổi (bv số 2)	274.580	0	0	0	0	0	0	0	0	95	742	201.250	23	190	24.700	55	551	42.630	6	60	6.000				
3	TT kiểm soát bệnh tật	207.660									27	528	153.150	47	377	49.010				33	55	5.500				
4	Bệnh viện ĐK tỉnh	366.515	11	66	5.280				0	0	133	595	169.400	137	702	91.195	31	238	19.040	169	816	81.600				
5	BV ĐKKV Cẩm Phả	121.583				2	20	1.363			27	202	58.800	25	234	30.420	4	45	3.600	32	250	25.000	1	24	2.400	0
6	BV ĐK Cẩm Phả	37.799				4	80	769			12	88	23.550	0	0	0	3	56	4.480	15	90	9.000				
7	BVĐK Hạ Long	13.600	0	0	-	0	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0	26	136	13.600					
8	TTYT Đầm Hà	450.836				103	1.322	52.880			110	1.382	344.600	0	0	0	12	188	15.040	26	129	12.900				25.416
9	TTYT Tiên Yên	152.910				13	138	5.520		0	75	450	109.900	18	61	7.930	7	107	8.560	60	180	18.000	2	30	3.000	
10	TTYT Ba Chẽ	53.110									28	155	40.200	6	47	6.110		0	0	15	68	6.800				
11	TTYT Bình Liêu	124.230				10	109	4.360			49	404	100.100	5	29	3.770	5	60	4.800	17	112	11.200				0
12	TTYT Vân Đồn	83.859	0	0	-	0	0	0	0	0	30	129	32.600	5	30	3.900	0	0	0	22	135	13.500				33.859
13	TTYT Cô Tô	6.900									0	0	0	4	30	3.900	0	0	0	17	30	3.000				
14	TTYT Hạ Long	371.710									109	1.130	288.900	93	637	82.810	0	0	0							0
15	TTYT Uông Bí	78.820									50	187	42.250	13	69	8.970	0	0	0	30	276	27.600				
16	TT vận chuyển cấp cứu	27.990									17	54	8.100	3	153	19.890		0	0							
17	TTYT Cẩm Phả	88.892									17	103	28.000	12	166	21.580	0	0	0	9	90	18.900				20.412
18	Văn phòng Sở Y tế	48.500												0	0	0							7	375	37.500	11.000



Người ký: Nguyễn Đăng Linh
Ngày ký: 16/03/2022 15:41:50
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nội dung: Đã hoàn thành
thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: .DT2/ 220315_1017339_2811008
Năm NS: 2022

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☒
Tiền mặt tại KB ☐
Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia phòng chống dịch Tháng 08+10+11/2021	6449	423	132	12	151.200.000
Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia phòng chống dịch Tháng 08+10+11/2021	6449	423	132	12	18.200.000
Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia thường trực phòng chống dịch Tháng 08+10+11/2021	6449	423	132	12	91.195.000
Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT làm nhiệm vụ phân luồng tại CSKBCB Tháng 08+10+11/2021	6449	423	132	12	81.600.000
Rút dự toán chi tiền, hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly Tháng 08+10+11/2021	7799	423	132	12	19.040.000
Tổng cộng					361.235.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba trăm sáu mươi một triệu hai trăm ba mươi lăm, nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: P. Bạch Đằng - TP Hạ long - QN

Tài khoản: 440280701009

Tại KBNN (NH): Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN QN

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 15 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 15/03/2022 16:28:11
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Bá Việt
Ngày ký: 15/03/2022 16:42:26
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Bá Việt

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 16 tháng 03 năm 2022

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 16/03/2022 09:18:40
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Minh
Ngày ký: 16/03/2022 08:56:57
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Mẫu số 07

Mã hiệu:.....

Số: M01/ 220315_1017339_2811009

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số: 220315_1017339_2811008 Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Bệnh viện đa khoa
tỉnh Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1017339
Mã nguồn: 12
Mã CTMTQG, Dự án ODA:

Thanh toán trực tiếp ☒

Tạm ứng ☐

Thu hồi tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
1			.DT2	14/03/2022	6449	Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia phòng chống dịch Tháng 08+10+11/2021	504,00	300.000	300.000	151.200.000
2			.DT2	14/03/2022	6449	Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia phòng chống dịch Tháng 08+10+11/2021	91,00	200.000	200.000	18.200.000
3			.DT2	14/03/2022	6449	Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT tham gia thường trực phòng chống dịch Tháng 08+10+11/2021	702,00	130.000	130.000	91.195.000
4			.DT2	14/03/2022	6449	Rút dự toán chi tiền phụ cấp phòng, chống dịch, cho CBYT làm nhiệm vụ phân luồng tại CSKBCB Tháng 08+10+11/2021	816,00	100.000	100.000	81.600.000
5			.DT2	14/03/2022	7799	Rút dự toán chi tiền, hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly Tháng 08+10+11/2021	238,00	80.000	80.000	19.040.000
Tổng cộng số tiền bằng số:										361.235.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Ba trăm sáu mươi một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng.....Số thanh toán :Ba trăm sáu mươi một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 15/03/2022 15:28:11
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Ngày 15 tháng 03 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Nguyễn Bá Việt
Ngày ký: 15/03/2022 15:42:26
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Bá Việt

Số: 423 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19
đối với Cán bộ Y tế- người lao động trong
tháng 8+10+11 năm 2021**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/04/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Căn cứ Công văn số 704/SYT-NVY ngày 22/2/2021 của Sở Y tế về việc kiện toàn BCD, kế hoạch và phương án đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid – 19;

Căn cứ quyết định số 260/QĐ-BVT ngày 25/2/2021 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh và phụ cấp cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Covid – 19 trong tháng 8+10+11 năm 2021 đối với Cán bộ Y tế – người lao động

* Cụ thể như sau:

- Phụ cấp công tác phòng, chống dịch tháng 8/2021: 66.300.000 đồng

Số người hưởng PC: 31 người

Số ngày : 241 ngày

✓
- **Phụ cấp công tác phân luồng tháng 8/2021: 6.500.000 đồng**

Số người hưởng PC: 30 người

Số ngày: 65 ngày ✓

- **Phụ cấp công tác phòng, chống dịch tháng 10/2021: 38.050.000 đồng**

Số người hưởng PC: 37 người

Số ngày : 134 ngày ✓

- **Phụ cấp công tác phân luồng tháng 10/2021: 37.800.000 đồng**

Số người hưởng PC: 69 người

Số ngày: 378 ngày

✓
- **Phụ cấp công tác phòng, chống dịch tháng 11/2021: 65.050.000 đồng**

Số người hưởng PC: 65 người

Số ngày : 221,5 ngày

✓
- **Phụ cấp công tác phân luồng tháng 11/2021: 37.300.000 đồng**

Số người hưởng PC: 70 người

Số ngày: 373 ngày

Điều 2. Tổng số tiền chi: 251.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi một triệu nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid -19
năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *Meu*



Nguyễn Bá Việt

Số: 422/QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ phụ cấp thường trực 24/24 giờ trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tháng 8+10+11 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid - 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính Phủ quy định về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID – 19;

Căn Cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/4/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh.

Căn cứ quyết định số 260/QĐ-BVT ngày 25/2/2021 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tham gia thường trực phòng chống dịch bệnh.

* Cụ thể như sau:

- **Phụ cấp công tác thường trực PC dịch tháng 8: 31.720.000 đồng**

Số người hưởng PC: 46 người



Số ngày : 244 ngày

- **Phụ cấp công tác thường trực PC dịch tháng 10: 30.095.000 đồng**

Số người hưởng PC: 45 người

Số ngày : 232 ngày

- **Phụ cấp công tác thường trực PC dịch tháng 11: 29.380.000 đồng**

Số người hưởng PC: 46 người

Số ngày : 226 ngày

Điều 2. Tổng số tiền chi: 91.195.000 đồng.

(Bằng chữ: Chín mươi một triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *Neur*



Nguyễn Bá Việt



Số: 424/QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chi tiền ăn cho nhân viên y tế được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly y tế và người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế tại khoa Bệnh nhiệt đới
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Tháng 8+10+11 năm 2021**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác; Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BVT ngày 18/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-BVT ngày 20/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi tiền ăn cho nhân viên y tế được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly y tế và người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế tại khoa Bệnh nhiệt đới của Bệnh viện tháng 8+ tháng 10+ tháng 11 năm 2021 (danh sách chi tiết kèm theo).

* Mức chi cụ thể như sau:

- Tiền ăn cho cán bộ y tế tháng 8 năm 2021:

80.000 đồng x 14 người x 119 ngày = 9.520.000 đồng ✓

- Tiền ăn cho cán bộ y tế tháng 10 năm 2021:

80.000 đồng x 9 người x 52 ngày = 4.160.000 đồng ✓

- Tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly tháng 10 năm 2021:

80.000 đồng x 01 người x 9 ngày = 720.000 đồng ✓

- Tiền ăn cho cán bộ y tế tháng 11 năm 2021:

80.000 đồng x 08 người x 67 ngày = 5.360.000 đồng ✓

- Tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly :

80.000 đồng x 10 người x 57 ngày = 4.560.000 đồng ✓

Điều 2. Tổng số tiền chi: 24.320.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi tư triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Nguồn chi được trích nguồn kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021

Điều 3. Các Ông (bà) trong Ban Giám đốc, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, trưởng các phòng: TCCB, TCKT, và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *Meur*



Nguyễn Bá Việt



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Tháng 08/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)						241	66,300,000		
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại								Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chấm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Lê Thùy Mai	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300,000	'01/08/2021	31/08/2021	12	3,600,000		1.2.8.10.11.12.13.14.16.18.24.28/8
2	Đỗ Thị Nhung	Vsinh		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	9	2,700,000		10.11.15.18.20.22.23.29.31/8
3	Trần Văn Tùng	Vsinh		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	10	3,000,000		4.5.6.10.17.18.25.26.27.30.31/8
4	Vũ Thùy Trang	Vsinh		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	9	2,700,000		1.2.9.13.16.19.20.26.31/8
5	Vũ Thị Mận	Vsinh		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	10	3,000,000		1.7.10.11.16.18.19.23.25.30/8
6	Vũ Thùy Dung	Vsinh		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	9	2,700,000		4.6.8.11.12.16.22.23.28/8
7	Nguyễn Thị Thương	Vsinh		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	13	3,900,000		2.3.5.12.13.14.17.20.21.24.27.30.31/8
8	Đào Thị Thùy	Vsinh		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	10	3,000,000		3.4.6.7.9.11.13.15.21.22/8
9	Vũ Thị Hồng Yến	Vsinh		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	2	600,000		12.15/8
10	Hoàng Thị Thu Trang	Vsinh		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	8	2,400,000		1.3.7.11.14.19.28.29/8
11	Vũ Nguyệt Hòa	Vsinh		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	2	600,000		8.21/8
12	Bùi Thị Năm	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	7	2,100,000		13-19/8
13	Đinh Việt Hải	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	10	3,000,000		1-5/8,27-31/8

14	Đoàn Hoa Anh	BNĐ	khám, chuẩn đoán, điều trị người nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	300,000	'01/08/2021	31/08/2021	7	2,100,000		20-26/8
15	Trần Thị Lý	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	7	2,100,000		6-12/8
16	Lê Hải Yến	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	7	2,100,000		13-19/8
17	Đào T Thu Hương	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	7	2,100,000		6-12/8
18	Trần Thu Hoài	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	7	2,100,000		6-12/8
19	Trần Thị Ngân	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	7	2,100,000		13-19/8
20	Phan Thị Thu Thủy	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	7	2,100,000		20-25/8
21	Vương Thị Lò	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	5	1,500,000		1-5/8
22	Phạm Thị Ánh Tuyết	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	5	1,500,000		1-5/8
23	Nguyễn Lê Hường	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	7	2,100,000		20-26/8
24	Nguyễn T Phương Thảo	BNĐ		300,000	'01/08/2021	31/08/2021	5	1,500,000		27-31/8
Cộng I							182	54,600,000		
II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SARS-CoV-2								-	
1	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK KSNK	Giám sát KSNK	200,000	01/8/2021	31/8/2021	11	2,200,000		
2	Trần Thu Huyền	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, hộp, hóa chất	200,000	01/8/2021	31/8/2021	5.5	1,100,000		
3	Nguyễn Thị Diệp Hà	K KSNK		200,000	01/8/2021	31/8/2021	2.5	500,000		
4	Nguyễn Văn Khắc	K KSNK		200,000	01/8/2021	31/8/2021	3	600,000		
5	Trần Xuân Hải	K KSNK		200,000	01/8/2021	31/8/2021	2.5	500,000		
6	Nguyễn Ngọc Linh	K KSNK		200,000	01/8/2021	31/8/2021	3	600,000		

CHÍNH

CH VI
HOA



7	Phạm Thị Bông	BNĐ	vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	200,000	01/8/2021	31/8/2021	31	6,200,000		
							58.5	11,700,000		

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

BSCKI Bùi Thị Nguyệt Anh

Ngô Thủy Quỳnh



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h và hỗ trợ tiền ăn

Tháng 8/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ/phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)							363	41,240,000		
I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h									Gửi kèm tài liệu	
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC								-		
1	Ngô Văn Kiên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/8/2021	31/8/2021	2	260,000		Trực ngày 1,6/8
2	Nguyễn Trung Kiên		NTH	130000		01/8/2021	31/8/2021	4	520,000		Trực ngày 4,9,14,18,23,27/8
3	Nguyễn Thị Út		HHNN	130000		01/8/2021	31/8/2021	3	390,000		Trực ngày 5,9,11,18,31/8
4	Vũ Phương Tiến		TM	130000		01/8/2021	31/8/2021	3	390,000		Trực ngày 2,8,12,16/8
5	Nguyễn Thanh Tùng		Lão học	130000		01/8/2021	31/8/2021	4	520,000		Trực ngày 3,15,19,28,30/8
6	Trần Mạnh Vũ		HHNN	130000		01/8/2021	31/8/2021	7	910,000		Trực ngày 2,3,4,6,10,11,12,13,16,17,19,20,23,25/8
7	Trần Thị Phương		Nhi	130000		01/8/2021	31/8/2021	5	650,000		Trực ngày 5,11,17,23,29/8
8	Lê Thị Liên		KKB	130000		01/8/2021	31/8/2021	13	1,690,000		Trực ngày 2-5,9-20,23-28,30,31/8
9	Nguyễn Thuỳ Dương		KKB	130000		01/8/2021	31/8/2021	3	390,000		Trực ngày 6,14,20,28/8

10	Trần Thị Hoa	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	TM	130000		01/8/2021	31/8/2021	6	780,000		Trực ngày 3,9,15,19,25,31/8
11	Hoàng Hà My		KKB	130000		01/8/2021	31/8/2021	3	390,000		Trực ngày 6,13,21,27/8
12	Trần Thị Khánh Ninh		KKB	130000		01/8/2021	31/8/2021	2	260,000		Trực ngày 7,13/8
13	Lục Xuân Ngọc		CT	130000		01/8/2021	31/8/2021	1	130,000		Trực ngày 1/8
14	Tổng Đăng Linh		C. thương	130000		01/8/2021	31/8/2021	6	780,000		Trực ngày 2,8,12,18,24,30/8
15	Kiều Vân Anh		Lão Học	130000		01/8/2021	31/8/2021	5	650,000		Trực ngày 4,10,16,22,26/8
16	Trương Thị Chiêu Xuân		HHNN	130000		01/8/2021	31/8/2021	6	780,000		Trực ngày 1,4,10,16,22,26/8
17	Phạm Thị Thuỷ		KKB	130000		01/8/2021	31/8/2021	1	130,000		Trực ngày 17/8
18	Vũ Thị Thơ		PK CS2	130000		01/8/2021	31/8/2021	6	780,000		Trực ngày 3,9,15,19,25,31/8
19	Đoàn Thị Vân Anh		YHCT	130000		01/8/2021	31/8/2021	6	780,000		Trực ngày 2,8,12,18,24,30/8
20	Hoàng Văn Huấn		Nhi	130000		01/8/2021	31/8/2021	5	650,000		Trực ngày 7,10,13,17,20,25,29/8
21	Vũ Thị Ngà		TM	130000		01/8/2021	31/8/2021	2	260,000		Trực ngày 22,26,30/8
22	Trần Nhật Toán		HHNN	130000		01/8/2021	31/8/2021	3	390,000		Trực ngày 5,24,26,27/8
23	Vũ Thị Hương		KKB	130000		01/8/2021	31/8/2021	1	130,000		Trực ngày 27/8
24	Ngô Thị Nhung		KKB	130000		01/8/2021	31/8/2021	1	130,000		Trực ngày 21/8
25	Phan Văn Thiên		HHNN	130000		01/8/2021	31/8/2021	1	130,000		Trực ngày 21/8
26	Phạm Ngọc Bích	PK CS2	130000		01/8/2021	31/8/2021	5	650,000		Trực ngày 5,11,17,23,29/8	
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH									-		
27	Nguyễn Việt Khang	KTV CĐHA	CĐHA	130000		01/8/2021	31/8/2021	1	130,000		Trực 5/8
28	Bùi Văn Trai	KTV CĐHA	CĐHA	130000		01/8/2021	31/8/2021	4	520,000		Trực 9,12,13,15/8
29	Trần Văn Dũng	KTV CĐHA	CĐHA	130000		01/8/2021	31/8/2021	2	260,000		Trực18,20/8

30	Triệu Mạnh Tuấn	KTV CDHA	CDHA	130000		01/8/2021	31/8/2021	1	130,000		Trực 27/8
	TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID										
31	Trịnh Văn Mạnh		Giám đốc	130000		01/8/2021	31/8/2021	7	910,000		Trực ngày 3,8,12,16,20,24,28/8
32	Đặng Thị Thúy		PGĐ	130000		01/8/2021	31/8/2021	7	910,000		Trực ngày 4,7,11,15,18,23,27/8
33	Nguyễn Huy Tiến		PGĐ	130000		01/8/2021	31/8/2021	1	130,000		Trực ngày 31/8
34	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130000		01/8/2021	31/8/2021	8	1,040,000		Trực ngày 2,6,10,14,19,22,26,30/8
35	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKHHTH	130000		01/8/2021	31/8/2021	8	1,040,000		Trực ngày 1,5,9,13,17,21,25,29/8
	TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẦN										
36	Phạm Quang Huy		KHTH	130000		01/8/2021	31/8/2021	8	1,040,000		Trực ngày 1,7,13,15,19,21,27,31/8
37	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130000		01/8/2021	31/8/2021	9	1,170,000		Trực ngày 4,6,10,12,16,22,25,28,30/8
38	Nguyễn Thị Hải Yến		KHTH	130000		01/8/2021	31/8/2021	8	1,040,000		Trực ngày 1,4,7,13,15,19,22,31/8
39	Phạm Thị Phương Thùy		KHTH	130000		01/8/2021	31/8/2021	9	1,170,000		Trực ngày 3,6,9,12,16,18,24,26,30/8
40	Đặng Thị Ánh Tuyết		KHTH	130000		01/8/2021	31/8/2021	10	1,300,000		Trực ngày 2,5,8,10,14,17,20,24,26,28/8
41	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130000		01/8/2021	31/8/2021	8	1,040,000		Trực ngày 2,5,8,11,17,20,23,29/8
42	Nguyễn Thị Thu Phương		KHTH	130000		01/8/2021	31/8/2021	10	1,300,000		Trực ngày 3,9,11,14,18,21,23,25,27,29/8
43	Lê Hoài Thanh	Bảo vệ Trực phân luồng, sàng lọc	HCQT	130000		01/8/2021	31/8/2021	15	1,950,000		Trực ngày 4.5.6.10.11.12.16.17.18.22.23.24.28.29.30/8
44	Nguyễn Thiên Mừng		HCQT	130000		01/8/2021	31/8/2021	16	2,080,000		Trực ngày 1.2.3.7.8.9.13.14.15.19.20.21.25.26.27.31/8
45	Bùi Đức Toàn	Trực Lái xe vận chuyển người bệnh	HCQT	130000		01/8/2021	31/8/2021	4	520,000		Trực ngày 2.4.9.13/8
46	Chu Minh Tuấn		HCQT	130000		01/8/2021	31/8/2021	4	520,000		Trực ngày 6.12.20.27/8
	Cộng I							244	31,720,000		

II Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)											
1	Bùi Thị Năm	khám, chuẩn đoán, điều trị người nghỉ mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	7	560,000		13-19/8
2	Đinh Việt Hải		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	10	800,000		1-5/8,27-31/8
3	Đoàn Hoa Anh		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	7	560,000		20-26/8
4	Trần Thị Lý		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	7	560,000		6-12/8
5	Lê Hải Yến		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	7	560,000		13-19/8
6	Đào T Thu Hương		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	7	560,000		6-12/8
7	Trần Thu Hoài		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	7	560,000		6-12/8
8	Trần Thị Ngân		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	7	560,000		13-19/8
9	Phan Thị Thu Thủy		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	7	560,000		20-25/8
10	Vương Thị Lò		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	5	400,000		1-5/8
11	Phạm Thị Ánh Tuyết		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	5	400,000		1-5/8
12	Nguyễn Lệ Hường		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	7	560,000		20-26/8
13	Nguyễn T Phương Thảo		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	5	400,000		27-31/8
14	Phạm Thị Bông		BNĐ		80000	'01/08/2021	31/08/2021	31	2,480,000		01-31/8
Cộng II								119	9,520,000		

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị VS

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

BSCK: Bùi Thị Nguyệt Anh

Đinh Thị Ánh Tuyết

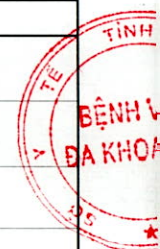
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 36/2021/NQ-HĐND

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Tháng 08/2021

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công từ 27/8	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5		7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)						65	6,500,000		
1	Đinh Thị Thu	P TT HCQT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		27/8
2	Đỗ Thị Thu	P QLCL	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		30/8
3	Đinh thị thu Huệ	Phòng TCCB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		31/8
4	Phạm Thị Thủy	PTP ĐD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		27/8
5	Vũ Thị Thủy	P DD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		29.30.31/8
6	Dương Thị Hoài	Sinh Hóa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		28.29.31/8
7	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		28.29.31/8
8	Phạm Thị Kim Thoa	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		28.29.31/8
9	Trần Thị Phụng	Sản	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		28.29.31/8
10	Phạm Quang Tuấn Anh	CĐHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		28.29.31/8
11	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	4	400,000		27.28.30.31/8
12	Nguyễn Thị Tính	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	2	200,000		30.31/8



13	Vũ Thị Thu	Ung bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	2	200,000		27.28/8
14	Hoàng Thị Phương Thảo	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	4	400,000		27.28.30.31/8
15	Nguyễn T Huyền Trang	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	4	400,000		27.28.30.31/8
16	Phạm Thị Vân Anh	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		27/8
17	Nguyễn Bình Duy	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		28.30.31/8
18	Phạm Tuấn Anh Mạnh	C. Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		27.29.30/8
19	Đào Thị Thắm	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		27.29.30/8
20	Bùi Thị Thủy	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		27.29.30/8
21	Đỗ Thị Thu	KSNK	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		27.29.30/8
22	Mã Phương Thảo	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	3	300,000		27.29.30/8
23	Trần Văn Quân	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		14.28/8
24	Trần Thị Thúy Nga	Lão khoa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		16.30/8
25	Lương Thị Thúy Hằng	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		30/8
26	Vũ Xuân Văn	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		3.17.31/8
27	Đinh Hữu Trung	PTCTM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		11.27/8
28	Dương Văn Trung	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		15.29/8
29	Trịnh Ngọc Dương	Ung bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		28/8
30	Lê Thị Chiêu	KBTYC	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	'01/08/2021	31/08/2021	1	100,000		31/8



DUYỆT LÃNH ĐẠO

GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Mạnh

PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Vũ

PHÒNG TCCB

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

BSCKI: Bùi Thị Nguyệt Anh

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngô Thùy Quỳnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Tháng 10/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòn g	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)						134	38,050,000		
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SASR-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19						114	34,050,000	Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chăm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Lê Thùy Mai	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SASR-CoV-2 tại bệnh viện	300,000	'01/10/2021	31/10/2021	9	2,700,000		1.2.7.8.14.17.18.24.29/10
2	Đỗ Thị Nhung	Vsinh		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	8	2,400,000		2.6.67.10.15.17.19.26/10
3	Trần Văn Tùng	Vsinh		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	6	1,800,000		6.11.12.16.20.30/10
4	Vũ Thùy Trang	Vsinh		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	6	1,800,000		1.10.11.15.27.28/10
5	Vũ Thị Mận	Vsinh		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	5	1,500,000		4.5.9.27.28/10
6	Vũ Thùy Dung	Vsinh		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	8	2,400,000		3.4.5.12.13.14.22.23/10
7	Nguyễn Thị Thương	Vsinh		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	7	2,100,000		1.8.13.16.21.25.31/10
8	Đào Thị Thùy	Vsinh		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	1	300,000		9/10
9	Hoàng Thị Thu Trang	Vsinh		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	5	1,500,000		2.8.9.26.27/10

10	Vũ Nguyệt Hòa	Vsinh	người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300,000	'01/10/2021	31/10/2021	1	300,000		3/10
11	Bùi Thị Năm	BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	7	2,100,000		08-14/10
12	Phạm Văn Ngà	BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	5	1,500,000		22-26/10
13	Đinh Thị Hải Hà	BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	7	2,100,000		15-21/10
14	Vũ Thị Khánh Huyền	BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	7	2,100,000		01-07/10
15	Lê Thị Minh Hằng	BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	1	300,000		01/10
16	Vương Thị Lò	BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	7	2,100,000		02-08/10
17	Trần Mạnh Cường	BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	7	2,100,000		09-15/10
18	Lê Hải Yến	BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	7	2,100,000		16-22/10
19	Nguyễn Lệ Hường	BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	4	1,200,000		23-26/10
20	Tổng Đăng Linh	K PTTKCS		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	0.5	150,000		1/2 (24/10)
21	Nguyễn Thành Đạt	K TM		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	0.5	150,000		1/2 (24/10)
22	Đào Thị Thu Hương	K BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	0.5	150,000		1/2 (24/10)
23	Vương Thị Lò	BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	0.5	150,000		1/2 (26/10)
24	Nguyễn Thị Thuận	BND		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	0.5	150,000		1/2 (24/10)
25	Nguyễn Ngọc Diệp	K HH-NN	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu XN Covid	300,000	'01/10/2021	31/10/2021	0.5	150,000		1/2 (24/10)
26	Phạm Thị Lan Phương	K HH-NN		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	0.5	150,000		1/2 (26/10)
27	Đoàn Mạnh Linh	K HSTC		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	0.5	150,000		1/2 (26/10)
28	Hoàng Thúy Hằng	K HSTC		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	0.5	150,000		1/2 (26/10)
29	Đỗ Quang Thế	K Mất		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	0.5	150,000		1/2 (26/10)
30	Bùi Thị Diệu	K UB		300,000	'01/10/2021	31/10/2021	0.5	150,000		1/2 (26/10)
II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SASR-CoV-2						20	4,000,000	-	

TINH
NH V
HOA
★

1	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK KSNK	Giám sát KSNK	200,000	01/10/2021	31/10/2021	8	1,600,000		1.8.10.11.12.13.14.18/10
2	Lưu Thị Tâm	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, hộp, hóa chất	200,000	01/10/2021	31/10/2021	2	400,000		1/2 (1.10.12.14)/10
3	Phùng Thị Tám	K KSNK		200,000	01/10/2021	31/10/2021	2	400,000		1/2 (8.11.13.18)/10
4	Nguyễn Văn Khắc	K KSNK		200,000	01/10/2021	31/10/2021	2	400,000		1/2 (1.10.12.14)/10
5	Đinh Thị An	K KSNK		200,000	01/10/2021	31/10/2021	2	400,000		1/2 (8.11.13.18)/10
6	Trần Xuân Hải	K KSNK		200,000	01/10/2021	31/10/2021	2	400,000		1/2 (1.10.12.14)/10
7	Nguyễn Ngọc Linh	K KSNK		200,000	01/10/2021	31/10/2021	2	400,000		1/2 (8.11.13.18)/10

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vui

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

BSCI Bùi Thị Nguyệt Anh

Ngô Thủy Quỳnh



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 36/2021/NQ-HĐND

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Tháng 10/2021

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5		7=3*6	8	9
	Tổng Cộng						378	37,800,000		
1	Phạm Thị Thủy	PTP ĐD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	3	300,000		5.16.25/10
2	Vũ Thị Thủy	P DD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	11	1,100,000		4.9.10.11.12.14.17.18.20.23.30/10
3	Trần Thị Phương	Tim mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		9.20.22.23.25.26.28.29.31/10
4	Hoàng Thị phương Thảo	Tim mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		29.31/10
5	Đào Thị Thắm	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		1.2.4.5.7.10.11.13.19.20.22.25.26.28.29/10
6	Phùng Thị Thanh Thủy	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	1	100,000		31/10
7	Đặng Duy Linh	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/10
8	Bùi Thị Hương	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	6	600,000		23.25.26.28.29.31/10
9	Nguyễn Thị Giang	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/10
10	Đào Thu Hiền	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	6	600,000		23.25.26.28.29.31/10
11	Chu Tuấn Thành	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		1.3.4.5.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21/10
12	Phạm Thị Ninh	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	7	700,000		22.24.25.27.28.30.31/10

13	Mai Thu Thanh	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		1.3.4.5.6.7.13.15.16.1 8.19.21.22.24.25/10
14	Trịnh Thị Thuý Linh	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	4	400,000		27.28.30.31/10
15	Vũ Thị Huệ	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		1.3.4.5.6.7.12.13.15.1 6.18.19.21.22.24/10
16	Phạm thị Kim Thoa	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	4	400,000		25.27.28.31/10
17	Phạm Thị Hải Yến	Sân	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		1.3.4.5.6.7.9.10.12.13. 15.16.18.19.21/10
18	Nguyễn Thị Thu Huyền	Sân	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	7	700,000		22.24.25.27.28.30.31/ 10
19	Trần Văn Dũng	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		1.3.4.5.6.7.10.12.13.1 5.16.18.19.21.22/10
20	Lê Tiến Tùng	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	6	600,000		24.25.27.28.30.31/10
21	Đoàn Thị Trang Nhung	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		2.3.6.8.9.11.12.14.15. 17.18.20.21.23.24/10
22	Trần Việt Dung	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	4	400,000		26.27.28.29/10
23	Hà Văn Lợi	U Bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		2.3.6.8.9.11.12.14.15. 17.18.20.21.23.24/10
24	Phạm Văn Sơn	U Bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	4	400,000		26.27.29.30/10
25	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Hóa Sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		2.3.6.8.9.11.12.14.15. 17.18.20.21.23.24/10
26	Nguyễn Thị Hương	Hóa Sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	5	500,000		10.26.27.29.30/10
27	Nguyễn T Huyền Trang	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		2.3.6.8.9.11.12.14.15. 17.18.20.21.23.24/10
28	Trịnh Phương Linh	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	4	400,000		26.27.29.30/10
29	Nguyễn Thị Hợi	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		2.3.6.8.9.11.12.14.15. 17.18.20.21.23.24/10
30	Lý Thị Cúc	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	4	400,000		26.27.29.30/10
31	Đào Thị Thủy	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	15	1,500,000		1.2.4.5.7.8.11.12.13.1 4.16.17.19.20.22/10
32	Đoàn Thị Lan nhung	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	7	700,000		23.25.26.28.29.31/10
33	Phạm Thị Huế	HSCC	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	3	300,000		5.7.8/10
34	Ôn Minh An	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	1	100,000		9/10
35	Vũ Quang Dũng	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	1	100,000		9/10
36	Lê Minh Long	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	1	100,000		10/10

37	Nguyễn Kim Long	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	1	100,000		8/10
38	Ngô Minh Phương	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	1	100,000		30/10
39	Lê Thị Oanh	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	1	100,000		16/10
40	Nguyễn Thị Dự	Sản	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		6.22/10
41	Trần Văn Quân	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		15.31/10
42	Trần Thị Thúy Nga	Lão khoa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		2.18/10
43	Hoàng Thị Hải	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		7.23/10
44	Huỳnh Lệ Tú	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		4.20/10
45	Nguyễn Thị Mai	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		4.14/10
46	Trần Thị Tuyết	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		9.25/10
47	Lương Thị Thúy Hằng	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		1.17/10
48	Vũ Xuân Văn	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		5.21/10
49	Đinh Hữu Trung	PTCTM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		12.28/10
50	Dương Văn Trung	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		1.17/10
51	Trần Việt Hoa	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		9.25/10
52	Trịnh Ngọc Dương	Ung bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		8.24/10
53	Phan Kim Hương	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		12.28/10
54	Hoàng Hữu Tuấn	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		11.27/10
55	Nguyễn Thị Hằng	KKB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		2.18/10
56	Nguyễn Thị Xuân	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		13.29/10
57	Nguyễn Bích Nga	PKCS 2	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		3.19/10
58	Đào Thanh Hùng	Cấp cứu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		8.24/10
59	Nguyễn Thanh xuân	RHM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		10.26/10
60	Đinh Đức Thuận	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		3.19/10

61	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		14.30/10
62	Đỗ Thị Thanh Huyền	Hóa sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		7.23/10
63	Nguyễn Thị An	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		11.27/10
64	Đặng Văn Thành	HSCC	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		5.2/10
65	Bùi Thị Bích Liên	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	1	100,000		16/10
66	Lê Xuân Quang	Hô Hấp	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		10.26/10
67	Đặng Lan Anh	BNĐ	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		13.29/10
68	Đỗ Thị Nhung	Vi Sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		15.31/10
69	Bùi Ngọc Sơn	KSNK	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/10/2021	31/10/2021	2	200,000		6.22/10

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vinh

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

BSCKI. Bùi Thị Nguyệt Anh

Ngô Thủy Quỳnh



Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP**Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h và hỗ trợ tiền ăn**

Tháng 10/2021

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/y)	Đến ngày (mm/dd/y)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3-4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)								34,255,000		
I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h										
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC							232	30,095,000		
1	Trịnh Thị Hường	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	NTH	130,000		01/10/2021	31/10/2021	4.5	585,000		Trực 1.6.9.14.18.25.29/10
2	Nguyễn Thị Út		HHNN	130,000		01/10/2021	31/10/2021	2	260,000		Trực 8.12.24/10
3	Bùi Thị Thanh Hương		HHNN	130,000		01/10/2021	31/10/2021	1	130,000		Trực 3/10
4	Nguyễn Thị Hằng		TM	130,000		01/10/2021	31/10/2021	3.5	455,000		Trực 16.19.22.26.30/10
5	Hoàng Văn Huân		Nhi	130,000		01/10/2021	31/10/2021	4	520,000		Trực 4.13.17.20.23.28/10
6	Lê Thị Thơ		TM	130,000		01/10/2021	31/10/2021	2	260,000		Trực 2.7.11/10
7	Trần Nhật Toán		HHNN	130,000		01/10/2021	31/10/2021	3	390,000		Trực 5.13.21.26.31/10
8	Hoàng Thị Chi		Lão học	130,000		01/10/2021	31/10/2021	2.5	325,000		Trực 10.15.21.27/10
9	Trần Mạnh Vũ		HHNN	130,000		01/10/2021	31/10/2021	9	1,170,000		Trực 1.4.5.6.7.8.11.12.14.15.18.19.20.22.25.27.28.29/10

10	Trịnh Thị Vân	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	KKB	130,000		01/10/2021	31/10/2021	13	1,690,000		Trực1-229/10
11	Vũ Nguyệt Hoà		KKB	130,000		01/10/2021	31/10/2021	3.5	455,000		Trực1.9.15.23.29/10
12	Nguyễn Thị Thuý		TM	130,000		01/10/2021	31/10/2021	5	650,000		Trực4.10.14.20.26/10
13	Hoàng Hà My		KKB	130,000		01/10/2021	31/10/2021	4	520,000		Trực2.16.23.30/10
14	Phan Thị Thanh Hà		KKB	130,000		01/10/2021	31/10/2021	4	520,000		Trực2.8.16.22.30/10
15	Vũ Thị Ngọc Oanh		C. thương	130,000		01/10/2021	31/10/2021	1	130,000		Trực3/10
16	Trương Thị Mên		Lão Học	130,000		01/10/2021	31/10/2021	5	650,000		Trực5.11.17.21.27/10
17	Nguyễn Thị Mai		PK CS2	130,000		01/10/2021	31/10/2021	4.5	585,000		Trực6.13.1824.28/10
18	Trần Thị Bảy		KKB	130,000		01/10/2021	31/10/2021	1	130,000		Trực9/10
19	Nguyễn Ngọc Diệp		HHNN	130,000		01/10/2021	31/10/2021	4	520,000		Trực7.12.25.31/10
20	Lài Thị Thu		PK CS2	130,000		01/10/2021	31/10/2021	5	650,000		Trực4.10.14.20.26/10
21	Nguyễn Thị Hằng		RHM	130,000		01/10/2021	31/10/2021	1	130,000		Trực27/10
22	Bùi Thị Diệu		UB	130,000		01/10/2021	31/10/2021	5	650,000		Trực6.12.18.24.28/10
23	Trần Hương Giang		RHM	130,000		01/10/2021	31/10/2021	4	520,000		Trực5.11.17.21/10
24	Bùi Như Quỳnh	YHCT	130,000		01/10/2021	31/10/2021	6	780,000		Trực3.7.13.19.25.31/10	
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH									0		
25	Bùi Văn Trai	KTV CDHA	CDHA	130,000		01/10/2021	31/10/2021	1	130,000		Trực1/10
26	Vũ Văn Huân	KTV CDHA	CDHA	130,000		01/10/2021	31/10/2021	2	260,000		Trực7.8/10
27	Vũ Văn Tuấn	KTV CDHA	CDHA	130,000		01/10/2021	31/10/2021	2	260,000		Trực11.14/10
28	Nguyễn Kim Long	KTV CDHA	CDHA	130,000		01/10/2021	31/10/2021	1	130,000		Trực19/10
29	Phan Văn Thường	KTV CDHA	CDHA	130,000		01/10/2021	31/10/2021	1	130,000		Trực25/10

	TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID										
30	Trịnh Văn Mạnh		Giám đốc	130,000		01/10/2021	31/10/2021	6	780,000		Trực 4.7.14.18.23.28/10
31	Đặng Thị Thuý		PGĐ	130,000		01/10/2021	31/10/2021	8	1,040,000		Trực1.5.10.13.17.20.25.30/10
32	Nguyễn Huy Tiến		PGĐ	130,000		01/10/2021	31/10/2021	2	260,000		Trực21.26/10
33	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130,000		01/10/2021	31/10/2021	8	1,040,000		Trực2.6.9.12.16.22.27.31/10
34	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKHTH	130,000		01/10/2021	31/10/2021	7	910,000		Trực3.8.11.15.19.24.29/10
	TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẦN										
35	Phạm Quang Huy	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130,000		01/10/2021	31/10/2021	7	910,000		Trực 1.9.14.19.24.26.28/10
36	Nguyễn Thị Hải Yến		KHTH	130,000		01/10/2021	31/10/2021	9	1,170,000		trực 6.8.12.16.18.22.24.29.30/10
37	Nguyễn Thị Hoàng Yến		KHTH	130,000		01/10/2021	31/10/2021	9	1,170,000		trực 3.7.9.13.15.21.23.27.30/10
38	Phạm Thị Phương Thuý		KHTH	130,000		01/10/2021	31/10/2021	9	1,170,000		trực2.5.11.15.17.21.23.29.31/10
39	Nguyễn Thị Thu Phương		KHTH	130,000		01/10/2021	31/10/2021	9	1,170,000		trực2.4.8.11.14.18.20.26.27/10
40	Đặng Thị Ánh Tuyết		KHTH	130,000		01/10/2021	31/10/2021	10	1,300,000		trực1.3.5.7.10.13.17.19.25.31/10
41	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130,000		01/10/2021	31/10/2021	9	1,170,000		trực4.6.10.12.16.20.22.25.27/10
42	Lê Hoài Thanh	Bảo vệ Trực phân luồng, sàng lọc	HCQT	130,000		01/10/2021	31/10/2021	15	1,950,000		trực3.4.5.9.10.11.15.16.17.21.22.23.27.28.29/10
43	Nguyễn Thiên Mừng		HCQT	130,000		01/10/2021	31/10/2021	16	2,080,000		trực1.2.6.7.8.12.13.14.18.19.20.24.25.26.30.31/10
44	Bùi Trọng Oánh	Trực Lái xe vận chuyển người bệnh	HCQT	130,000		01/10/2021	31/10/2021	1	130,000		trực14/10
45	Hoàng Văn Dũng		HCQT	130,000		01/10/2021	31/10/2021	2	260,000		trực11.18/10
II	Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)							52	4,160,000		

1	Bùi Thị Năm	khám, chẩn đoán, điều trị người nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	BNĐ		80,000	01/10/2021	31/10/2021	7	560,000		08-14/10
2	Phạm Văn Ngà		BNĐ		80,000	01/10/2021	31/10/2021	5	400,000		22-26/10
3	Đinh Thị Hải Hà		BNĐ		80,000	01/10/2021	31/10/2021	7	560,000		15-21/10
4	Vũ Thị Khánh Huyền		BNĐ		80,000	01/10/2021	31/10/2021	7	560,000		01-07/10
5	Lê Thị Minh Hằng		BNĐ		80,000	01/10/2021	31/10/2021	1	80,000		01/10
6	Vương Thị Lò		BNĐ		80,000	01/10/2021	31/10/2021	7	560,000		02-08/10
7	Trần Mạnh Cường		BNĐ		80,000	01/10/2021	31/10/2021	7	560,000		09-15/10
8	Lê Hải Yến		BNĐ		80,000	01/10/2021	31/10/2021	7	560,000		16-22/10
9	Nguyễn Lệ Hường		BNĐ		80,000	01/10/2021	31/10/2021	4	320,000		23-26/10

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Việt

Đs. Hoàng Quỳnh Hoa

BSCKI: Bùi Thị Nguyệt Anh

Đặng Thị Hồng Nguyệt



KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NQ 16/NQ-CP

Nội dung: Tiền ăn của người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ	Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp cách ly	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng					720,000		
1	Bùi Bích Hạnh	80000	20/10/2021	28/10/2021	9	720,000		

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

KHOA DINH DƯỠNG

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

Khoa Dinh Dưỡng

Đỗ Thị Thu Trang

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h và hỗ trợ tiền ăn

Tháng 11/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)							293	34,740,000		
I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h							226	29,380,000		
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC										
1	Trịnh Thị Hường	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	NTH	130,000		01/11/2021	30/11/2021	3.5	455,000		Trực 4.6.10.17.21/11
2	Nguyễn Thị Út		HHNN	130,000		01/11/2021	30/11/2021	8.5	1,105,000		Trực 4.5.8.9.10.11.12.14.15.16.21.23.24.25.26/11
3	Bùi Thị Thanh Hương		HHNN	130,000		01/11/2021	30/11/2021	1	130,000		Trực 14/11
4	Nguyễn Thị Nhung		TM	130,000		01/11/2021	30/11/2021	3	390,000		Trực 5.11.15.19/11
5	Hoàng Văn Huân		Nhi	130,000		01/11/2021	30/11/2021	6.5	845,000		Trực 1.7.9.12.16.20.23.26/11
6	Ngô Văn Kiên		TM	130,000		01/11/2021	30/11/2021	2.5	325,000		Trực 22.24.29/11
7	Trần Nhật Toán		HHNN	130,000		01/11/2021	30/11/2021	2	260,000		Trực 2.3.28/11
8	Hoàng Thị Chi		Lão học	130,000		01/11/2021	30/11/2021	5	650,000		Trực 3.8.13.18.22.27/11
9	Trần Mạnh Vũ		HHNN	130,000		01/11/2021	30/11/2021	1	130,000		Trực 29.30/11

10	Phan Văn Thiên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHNN	130,000		01/11/2021	30/11/2021	0.5	65,000		Trực 2/11
11	Trịnh Thị Vân		KKB	130,000		01/11/2021	30/11/2021	11.5	1,495,000		Trực 1-26/11
12	Nguyễn Thị Loan		KKB	130,000		01/11/2021	30/11/2021	4	520,000		Trực 5.13.19.27/11
13	Nguyễn Thị Thuý		TM	130,000		01/11/2021	30/11/2021	6	780,000		Trực 1.7.11.17.22.28/11
14	Hoàng Hà My		KKB	130,000		01/11/2021	30/11/2021	4	520,000		6.13.20.27/11
15	Đoàn Thị Oanh		KKB	130,000		01/11/2021	30/11/2021	3.5	455,000		Trực 6.12.20.26/11
16	Hoà Lan Anh		NTH	130,000		01/11/2021	30/11/2021	2	260,000		Trực 25.30/11
17	Trương Thị Mến		Lão Học	130,000		01/11/2021	30/11/2021	5	650,000		Trực 2.8.14.18.23.29/11
18	Nguyễn Thị Thơ		PK CS2	130,000		01/11/2021	30/11/2021	6	780,000		Trực 1.7.11.17.22.28/11
19	Lâm Văn Kiên		UB	130,000		01/11/2021	30/11/2021	1	130,000		Trực 24/11
20	Nguyễn Ngọc Diệp		HHNN	130,000		01/11/2021	30/11/2021	4.5	585,000		Trực 4.10.16.21.25/11
21	Hoàng Thị Thu Trang		PK CS2	130,000		01/11/2021	30/11/2021	1	130,000		Trực 3/11
22	Nguyễn Thị Hằng		RHM	130,000		01/11/2021	30/11/2021	5.5	715,000		Trực 2.8.14.18.23.29/11
23	Bùi Thị Diệu		UB	130,000		01/11/2021	30/11/2021	3.5	455,000		Trực 3.9.15.21/11
24	Phạm Ngọc Bích		PKCS2	130,000		01/11/2021	30/11/2021	4.5	585,000		Trực 9.15.21.24.30/11
25	Vũ Thị Hương		KKB	130,000		01/11/2021	30/11/2021	0.5	65,000		Trực 26/11
26	Nguyễn Thị Hường		KKB	130,000		01/11/2021	30/11/2021	0.5	65,000		Trực 26/11
27	Lê Thị Liên		KKB	130,000		01/11/2021	30/11/2021	0.5	65,000		Trực 29/11
28	Vũ Thị Hải Yến		KKB	130,000		01/11/2021	30/11/2021	0.5	65,000		Trực 30/11
29	Lê Đức Tuấn		Mắt	130,000		01/11/2021	30/11/2021	1	130,000		Trực 30/11
30	Dương Thị Thảo		YHCT	130,000		01/11/2021	30/11/2021	4.5	585,000		Trực 4.10.16.21.25/11

·	TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID										
31	Trịnh Văn Mạnh		Giám đốc	130,000		01/11/2021	30/11/2021	6	780,000		Trực 4.9.14.18.25.30/11
32	Đặng Thị Thuý		PGĐ	130,000		01/11/2021	30/11/2021	6	780,000		Trực 3.8.13.17.22.27/11
33	Nguyễn Huy Tiến		PGĐ	130,000		01/11/2021	30/11/2021	7	910,000		Trực 1.6.10.15.20.24.29/11
34	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130,000		01/11/2021	30/11/2021	5	650,000		Trực 5.11.16.21.26/11
35	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKHTH	130,000		01/11/2021	30/11/2021	6	780,000		Trực 2.7.12.19.23.28/11
	TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẢN										
36	Phạm Quang Huy	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130,000		01/11/2021	30/11/2021	7	910,000		Trực 7.11.15.20.26.28.30/11
37	Nguyễn Thị Hải Yến		KHTH	130,000		01/11/2021	30/11/2021	9	1,170,000		Trực 1.5.8.11.16.19.23.25.29/11
38	Nguyễn Thị Hoàng Yến		KHTH	130,000		01/11/2021	30/11/2021	9	1,170,000		Trực 2.4.8.12.14.17.22.24.26/12
39	Phạm Thị Phương Thuý		KHTH	130,000		01/11/2021	30/11/2021	9	1,170,000		Trực 4.6.10.14.16.18.20.22.28/11
40	Nguyễn Thị Thu Phương		KHTH	130,000		01/11/2021	30/11/2021	9	1,170,000		Trực 1.3.7.10.13.19.23.25.29/11
41	Đặng Thị Ánh Tuyết		KHTH	130,000		01/11/2021	30/11/2021	9	1,170,000		Trực 2.6.9.12.18.21.24.27.30/11
42	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130,000		01/11/2021	30/11/2021	8	1,040,000		Trực 3.5.9.13.15.17.21.27/11
43	Lê Hoài Thanh	Bảo vệ Trực phân luồng, sàng lọc	HCQT	130,000		01/11/2021	30/11/2021	15	1,950,000		Trực 2.3.4.8.9.10.14.15.16.20.21.22.26.27.28/11
44	Nguyễn Thiên Mừng		HCQT	130,000		01/11/2021	30/11/2021	15	1,950,000		Trực 1.5.6.7.11.12.13.17.18.19.23.24.25.29.30/11
45	Bùi Trọng Oánh	Trực Lái xe vận chuyển người bệnh	HCQT	130,000		01/11/2021	30/11/2021	1	130,000		Trực 15/11
46	Hoàng Văn Dũng		HCQT	130,000		01/11/2021	30/11/2021	2	260,000		Trực 24.28/11
II	Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)							67	5,360,000		

1	Phạm Thị Hải Ninh	khám, chẩn đoán, điều trị người mắc, nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	BNĐ		80,000	'01/11/2021	'30/11/2021	12	960,000		04-15/11
2	Đinh Việt Hải		BNĐ		80,000	'01/11/2021	'30/11/2021	9	720,000		22-30/11
3	Phạm Văn Ngà		BNĐ		80,000	'01/11/2021	'30/11/2021	9	720,000		22-30/11
4	Đặng Thị Lan Anh		BNĐ		80,000	'01/11/2021	'30/11/2021	8	640,000		05-12/11
5	Đào Thị Thu Hương		BNĐ		80,000	'01/11/2021	'30/11/2021	4	320,000		4.13-15/11
6	Phan Thị Thu Thủy		BNĐ		80,000	'01/11/2021	'30/11/2021	9	720,000		22-30/11
7	Trần Thu Ngân		BNĐ		80,000	'01/11/2021	'30/11/2021	7	560,000		24-30/11
8	Vũ Văn Tuấn		BNĐ		80,000	'01/11/2021	'30/11/2021	9	720,000		22-30/11

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

Trình Văn Mạnh

[Signature]

Nguyễn Thị V.S

[Signature]

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

[Signature]

BSCKI: Bùi Thị Nguyệt Anh

[Signature]

Đặng Thị Ánh Tuyết



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Tháng 11/2021

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
I	Tổng cộng (I+II+III) Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19									
1	Lê Thùy Mai	Vsinh	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế	300,000	'01/11/2021	30/11/2021	22	6,600,000		Đối tượng xét nghiệm cân Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chăm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ) 1.3.4.5.6.7.8.13.15.17.18.19.21.26.28.29/11
2	Đỗ Thị Nhung	Vsinh		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	14	4,200,000		3.4.6.10.11.12.14.16.19.25.30/11
3	Trần Văn Tùng	Vsinh		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	10	3,000,000		2.7.11.12.21.23.26.29/11
4	Vũ Thùy Trang	Vsinh		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	11	3,300,000		5.8.15.16.24.27.29.30/11
5	Vũ Thị Mận	Vsinh		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	7	2,100,000		3.7.9.14.15.17.22/11
6	Vũ Thùy Dung	Vsinh		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	11	3,300,000		4.6.7.10.17.22.24.25.28.29/11
7	Nguyễn Thị Thương	Vsinh		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	9	2,700,000		1.5.12.13.14.18.19.20.23/11
8	Đào Thị Thùy	Vsinh		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	5	1,500,000		6.7.29/11
9	Hoàng Thị Thu Trang	Vsinh		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	16	4,800,000		4.5.6.8.11.12.15.16.18.19.25.27.29/11
10	Phạm Thị Hải Ninh	BNĐ		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	12	3,600,000		04-15/11

11	Đinh Việt Hải	BND	người trực tiếp khám, chẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh	300,000	'01/11/2021	30/11/2021	9	2,700,000		22-30/11
12	Phạm Văn Ngà	BND		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	9	2,700,000		22-30/11
13	Đặng Thị Lan Anh	BND		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	8	2,400,000		05-12/11
14	Đào Thị Thu Hương	BND		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	4	1,200,000		4.13-15/11
15	Phan Thị Thu Thủy	BND		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	9	2,700,000		22-30/11
16	Trần Thu Ngân	BND		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	7	2,100,000		24-30/11
17	Vũ Văn Tuấn	K CDHA	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SASR-CoV-2 tại cơ sở y tế	300,000	'01/11/2021	30/11/2021	9	2,700,000		22-30/11
18	Đào Thanh Hùng	Cấp cứu		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 11/11
19	Vũ Thị Hương Ngân	Nhi		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1.5	450,000		1/2 5/11, 29/11
20	Nguyễn Thị Tính	Nhi		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11/2021
21	Trịnh Thị Lan	Nhi		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 11/11
22	Đào Thị Thu Hương	BND		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 11/11
23	Trần Hương Giang	RHM		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1.5	450,000		1/2 11/11, 29/11
24	Hà Thị Tuyền	TMH		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 11/11
25	Đỗ Thị Phương	TMH		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1.5	450,000		1/2 18/11, 29/11
26	Nguyễn Bình Duy	TMH		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 25/11
27	Bùi Như Quỳnh	YHCT		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		1/2 11.25/11
28	Dương Thị Thảo	YHCT		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 18/11
29	Phạm Thị Hải Ninh	YHCT		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11/2021
30	Lưu Thị Hoàn	Nội TH		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 11/11
31	Trần Thị Thu Thảo	Nội TH		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11
32	Vương Thị Lô	BND	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SASR-CoV-2 tại cơ sở y tế	300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		1/2 18.25/11
33	Vũ Thị Hương	KKB		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 5/11
34	Phạm Thị Thùy	KKB		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		1/2 18.25/11
35	Hoàng Hà My	KKB		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1.5	450,000		1/2 11/11, 29/11

36	Phan Văn Thiên	Hồ hấp	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế	300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 11/11
37	Chu Tuấn Thành	Hồ hấp		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 15/11
38	Phạm Thị Lan Phương	Hồ hấp		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1.5	450,000		1/2 01.11.25/11
39	Trương Thị Chiêu Xuân	Hồ hấp		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11
40	Vũ Văn Phú	HSTC		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1.5	450,000		1/2 5.11.25/11
41	Phạm Thị Minh Hiền	HSTC		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		1/2 11.18/11
42	Đinh Ngọc Sơn	GMHS		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 5/11
43	Vũ Văn Minh	GMHS		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11
44	Nguyễn Ngọc Huân	GMHS		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 11/11
45	Đỗ Quang Thế	Mất		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		1/2 01.05/11
46	Lê Đức Tuấn	Mất	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế	300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1.5	450,000		1/2 11.29/11
47	Nguyễn Thị Dịu	Phụ sản		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 18/11
48	Đào Thị Thu Hà	Phụ sản		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11
49	Ngô Quỳnh Trang	Phụ sản		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 11/11
50	Dương Thị Duyên	UB		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 05/11
51	Phan Thị Kim Thúy	Yêu cầu		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11
52	Nguyễn Thị Lan Anh	Nội B		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11
53	Dương Hồng Hà	PHCN		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11
54	Nguyễn Th Minh Thuơ	Ngoại		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11
55	Nịnh Thị Phương	Ngoại		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 11/11
56	Vũ Thị Ánh Tuyết	LK	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế	300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11
57	Trương Thị Mến	LK		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 11/11
58	Nguyễn Thành Đạt	TM		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	0.5	150,000		1/2 11/11
59	Hoàng Thị Phương Thảo	TM		300,000	'01/11/2021	30/11/2021	1	300,000		29/11
Cộng I							209	62,550,000		

II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SARS-CoV-2									
	1	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK KSNK	Giám sát KSNK	200,000	01/10/2021	31/10/2021	5	1,000,000	13.21.23.24.28/11
	2	Trần Thu Huyền	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, lọ, hộp, hóa chất	200,000	01/10/2021	31/10/2021	2.5	500,000	1/2 (13.21.23.24.28)/11
	3	Vũ Thị Nhài	K KSNK		200,000	01/10/2021	31/10/2021	1.5	300,000	1/2(13.23.28)/11
	4	Trần Minh Đức	K KSNK		200,000	01/10/2021	31/10/2021	1	200,000	1/2(21.24)/11
	5	Trần Xuân Hải	K KSNK		200,000	01/10/2021	31/10/2021	1.5	300,000	1/2(13.23.28)/11
	6	Nguyễn Ngọc Linh	K KSNK		200,000	01/10/2021	31/10/2021	1	200,000	1/2(21.24)/11
								12.5	2,500,000	
	Tổng Cộng (I+II)								65,050,000	

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

Trình Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

BSCKI. Bùi Thị Nguyệt Anh

Ngô Thủy Quỳnh



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 36/2021/NQ-HĐND

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Tháng 11/2021

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5		7=3*6	8	9
	Tổng Cộng						373	37,300,000		
1	Phạm Thị Thủy	PTP ĐD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	4	400,000		2.10.16.24/11
2	Vũ Thị Thủy	P DD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	11	1,100,000		14.3.8.9.15.16.17.22.23.29.30/11
3	Nguyễn T Huyền Trang	Tim mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/11
4	Trịnh Phương Linh	Tim mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	5	500,000		4.23.25.28.29/11
5	Lê Thị Quỳnh	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000		1.4.5.7.8.1.11.13.14.16.17.19.20.22.23/11
6	Hà Văn Lợi	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	3	300,000		25.28.29/11
7	Vũ Huy Hoàng	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/11
8	Dương Hồng Hà	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	4	400,000		23.25.28.29/11
9	Đoàn Thị Lan Nhung	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000		1.2.4.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22.23/11
10	Đinh Văn Cường	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	4	400,000		16.25.28.29/11
11	Nguyễn Thị Giang	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.16.17.19.20.22/11
12	Đào Thụ Hiền	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	4	400,000		23.25.28.29/11

13	Nguyễn Thị Thoa	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000	1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.1 6.18.19.21.24/11
14	Nguyễn Ngọc Diệp	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	4	400,000	25.27.28.30/11
15	Vũ Văn Anh	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000	1.7.9.10.12.13.15.16.18.2 0.21.23.24.27.29/11
16	Mai Thu Thanh	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000	26.30/11
17	Phạm Thị Kim Thoa	Sân	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	11	1,100,000	1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.2 6/11
18	Dương Thị Hoài	Sân	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000	1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.1 6.18.19.21.24/11
19	Nguyễn Thanh Thủy	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	5	500,000	25.26.27.28.30/11
20	Bùi Văn Trai	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000	1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.1 8.24.26.27.27.28/11
21	Ôn Minh An	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	3	300,000	6.21.30/11
22	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	7	700,000	22.24.25.26.27.28.30/11
23	Đoàn Thị Vân Anh	U Bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	3	300,000	18.19.21/11
24	Phạm Thị Nga	U Bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	11	1,100,000	2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.1 7/11
25	Đào Thị Thắm	Hóa Sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000	2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.1 7.18.20.23.24/11
26	Phạm Kiều Linh	Hóa Sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	4	400,000	26.227.29.30/11
27	Nguyễn Thùy Dung	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000	2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.1 7.18.20.21.23/11
28	Phạm Thị Hải Yến	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	5	500,000	24.26.27.29.30/11
29	Trần Thị Phương	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000	2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.1 7.18.20.21.23/11
30	Vũ Thị Thương	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	5	500,000	24.26.27.29.30/11
31	Lý Thị Cúc	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	15	1,500,000	2.3.5.6.8.9.11.12.14.15.1 7.18.20.21.23/11
32	Nguyễn Thị Vân Anh	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	5	500,000	24.26.27.29.30/11
33	Đào Thị Hường	HSCC	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000	2.22/11
34	Vũ Thị Hồng Yến	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000	3.22/11
35	Bùi Văn Trai	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	4	400,000	16.19.21.25/11
36	Phạm Thị Minh Hiền	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	1	100,000	22/11/2021

37	Nguyễn Thị Thu Hương	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	1	100,000		5/11
38	Nguyễn Thị Vân	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	1	100,000		22/11
39	Phạm Thị Thanh	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	9	900,000		18.19.21.24.25.26.27.28. 30/11
40	Nguyễn Thị Dự	Sản	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		7.22/11
41	Trần Văn Quân	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	1	100,000		15/11
42	Trần Thị Thúy Nga	Lão khoa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		3.18/11
43	Hoàng Thị Hải	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		8.23/11
44	Huỳnh Lệ Tú	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		5.20/11
45	Nguyễn Thị Mai	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		5.20/11
46	Trần Thị Tuyết	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		10.25/11
47	Lương Thị Thúy Hằng	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	1	100,000		2/11
48	Vũ Xuân Văn	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		6.21/11
49	Đinh Hữu Trung	PTCTM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		13.25/11
50	Phạm Tuấn Anh Mạnh	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	1	100,000		17/11
51	Dương Văn Trung	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		1.14/11
52	Trần Việt Hoa	Ung bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		7.28/11
53	Trịnh Ngọc Dương	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		9.24/11
54	Phan Kim Hương	CDHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		13.26/11
55	Hoàng Hữu Tuấn	KKB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		10.27/11
56	Nguyễn Thị Hằng	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		3.18/11
57	Nguyễn Thị Xuân	PKCS 2	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		12.29/11
58	Nguyễn Bích Nga	Cấp cứu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		4.19/11
59	Đào Thanh Hùng	RHM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		9.26/11
60	Nguyễn Thanh tuân	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		11.28/11

61	Đinh Đức Thuận	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		4.19/11
62	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Hóa sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		15.30/11
63	Đỗ Thị Thanh Huyền	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		8.23/11
64	Nguyễn Thị An	HSCC	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		12.27/11
65	Đặng Văn Thành	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		6.21/11
66	Bùi Thị Bích Liên	Hô Hấp	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	1	100,000		01/11
67	Lê Xuân Quang	BNĐ	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		11.24/11
68	Đặng Lan Anh	Vĩ Sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		14.29/11
69	Đỗ Thị Nhung	KSNK	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		15.30/11
70	Bùi Ngọc Sơn	KSNK	Giám sát dịch tễ, phân luồng	100,000	01/11/2021	30/11/2021	2	200,000		1.22/11

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

BSCKI: Bùi Thị Nguyệt Anh

Ngô Thủy Quỳnh



KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NQ 16/NQ-CP

Nội dung: Tiền ăn của người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ	Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp cách ly	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng				73	5,840,000		
1	Phạm Thị Phụng	80000	21/11	26/11	6	480,000	NV	4.560.000
2	Nhâm Thị Thu Phương	80000	21/11	26/11	6	480,000	NV	
3	Hòa Thị Hồng	80000	21/11	26/11	6	480,000	NV	
4	Cao Thị Huyền Trang	80000	21/11	26/11	6	480,000	NV	
5	Trịnh Thị Hương	80000	21/11	26/11	6	480,000	NV	
6	Đoàn Thị Vân Anh	80000	21/11	26/11	6	480,000	NV	
7	Bùi Thị Diệu	80000	21/11	26/11	6	480,000	NV	
8	Đoàn Thị Oanh	80000	26/11	30/11	5	400,000	NV	
9	Trịnh Thị Vân	80000	26/11	30/11	5	400,000	NV	
10	Nguyễn Thị Út	80000	26/11	30/11	5	400,000	NV	
11	Nguyễn Văn Dũng	80000	23/11	30/11	8	640,000	Chỉ vào T1/12/22	
12	Phạm Thị Nhân	80000	23/11	30/11	8	640,000		

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

KHOA DINH DƯỠNG

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

Nguyễn Thị Hồng

Đỗ Thị Thu Giang

16/0

BẢNG THANH TOÁN ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số DT-02 ngày 15 tháng 3 năm 2022)

Tài khoản dự toán: 9527.2.1017339.00000

Tài khoản tiền gửi :

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

2. Mã đơn vị: 1017339

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : Số tài khoản 440280701009 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Ninh

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Rút dự toán chi tiền phụ cấp chống dịch, phụ cấp trực, hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly Tháng 08+10+11/2021

(Đơn vị : Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền học bổng	
1	2			4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng Cộng :			361.235.000	0	0	0	0	361.235.000	0	0	0
1	Trinh Van Manh	44010000259553	BIDV Quảng ninh	2.470.000					2.470.000			
2	Bui duc toan	44010000434323	BIDV Quảng ninh	520.000					520.000			
3	Trinh phuong linh	44010000616565	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			
4	Dao Thi Hong Hanh	44010000086724	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
5	Do Thi Nhung	44010000259021	BIDV Quảng ninh	9.700.000					9.700.000			
6	Phung Thi Thanh Thuy	44010000086849	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
7	Pham Tuan Anh Manh	44010000083585	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			

8	Tran Thi Viet Hoa	44010000086733	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
9	Bui Ngoc Son	44010000086122	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
10	Nguyen Thi Hai Thanh	44010000084366	BIDV Quảng ninh	4.800.000					4.800.000			
11	Phung Thi Tam	44010000205802	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
12	Bui Thi Nam	44010000087091	BIDV Quảng ninh	5.320.000					5.320.000			
13	Dang Thi Lan Anh	44010000125335	BIDV Quảng ninh	3.440.000					3.440.000			
14	Dinh Thi Hai Ha	44010000356144	BIDV Quảng ninh	2.660.000					2.660.000			
15	Dinh Viet Hai	44010000082290	BIDV Quảng ninh	7.220.000					7.220.000			
16	Doan Thi Hoa Anh	44010000085013	BIDV Quảng ninh	2.660.000					2.660.000			
17	Le Thi Minh Hang	44010000082971	BIDV Quảng ninh	380.000					380.000			
18	Nguyen Le Huong	44010000083503	BIDV Quảng ninh	4.180.000					4.180.000			
19	Pham Thi Hai Ninh	44010000358122	BIDV Quảng ninh	4.560.000					4.560.000			
20	Vu Thi Khanh Huyen	44010000529405	BIDV Quảng ninh	2.660.000					2.660.000			
21	Nguyen Thi An	44010000083309	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
22	Pham Thi Kim Thoa	44010000082485	BIDV Quảng ninh	1.800.000					1.800.000			
23	Doan Thi Trang Nhung	44010000082227	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
24	Nguyen Thi Ngoc Diep	44010000082166	BIDV Quảng ninh	1.100.000					1.100.000			
25	Tran Thi Tuyet	44010000082023	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
26	Tran Viet Dung	44010000082193	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
27	Dinh Duc Thuan	44010000086380	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
28	Doan Thi Lan Nhung	44010000086803	BIDV Quảng ninh	2.200.000					2.200.000			
29	Do Thanh Huyen	44010000083275	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
30	Nguyen Thanh Thuy	44010000083415	BIDV Quảng ninh	2.000.000					2.000.000			

31	Nguyen Thi Huong	44010000083406	BIDV Quảng ninh	500.000					500.000			
32	Duong Thi Hoai	44010000478154	BIDV Quảng ninh	1.800.000					1.800.000			
33	Dang Thi Thuy	44010000090211	BIDV Quảng ninh	2.730.000					2.730.000			
34	Dang Van Thanh	44010000090275	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
35	Le Xuan Quang	44010000181674	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
36	Le Thi Chieu	44010000088933	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
37	Doan Thi Oanh	44010000088845	BIDV Quảng ninh	455.000					455.000			
38	Le Thi Lien	44010000179226	BIDV Quảng ninh	1.755.000					1.755.000			
39	Ngo Thi Nhung	44010000088793	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
40	Nguyen Thi Hang	44010000082698	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
41	Nguyen Thi Loan	44010000082759	BIDV Quảng ninh	520.000					520.000			
42	Nguyen Thi Thu Huong	44010000082564	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
43	Nguyen Thuy Duong	44010000199145	BIDV Quảng ninh	390.000					390.000			
44	Phan Thi Thanh Ha	44010000082591	BIDV Quảng ninh	520.000					520.000			
45	Tran Thi Khanh Ninh	44010000083442	BIDV Quảng ninh	260.000					260.000			
46	Trinh Thi Van	44010000082528	BIDV Quảng ninh	3.185.000					3.185.000			
47	Dao Thanh Hung	44010000082722	BIDV Quảng ninh	550.000					550.000			
48	Bui Thi Bich Lien	44010000084302	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
49	Dang Duy Linh	44010000577608	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
50	Bui Thi Thanh Huong	44010000296055	BIDV Quảng ninh	260.000					260.000			
51	Nguyen Thi Ut	44010000530160	BIDV Quảng ninh	1.755.000					1.755.000			
52	Phan Van Thien	44010000539538	BIDV Quảng ninh	345.000					345.000			
53	Tran Nhat Toan	44010000476158	BIDV Quảng ninh	1.040.000					1.040.000			

54	Bui Thi Thuy	44010000086706	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
55	Le Thi Xuan	44010000090150	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
56	Nguyen Huy Tien	44010000053579	BIDV Quảng ninh	1.300.000					1.300.000			
57	Hoang Van Huan	44010000295973	BIDV Quảng ninh	2.015.000					2.015.000			
58	Tran Thi Phuong	44010000084445	BIDV Quảng ninh	650.000					650.000			
59	Trinh Thi Lan	44010000205495	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
60	Vu Xuan Van	44010000111334	BIDV Quảng ninh	500.000					500.000			
61	Huynh Le Tu	44010000086043	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
62	Nguyen Thi Lan Anh	44010000082148	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
63	Hoa Thi Lan Anh	44010000529423	BIDV Quảng ninh	260.000					260.000			
64	Luong Thi Thuy Hang	44010000088854	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
65	Nguyen Thi Giang	44010000082041	BIDV Quảng ninh	3.000.000					3.000.000			
66	Hoang Thi Hai	44010000082342	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
67	Dinh Huu Trung	44010000082157	BIDV Quảng ninh	500.000					500.000			
68	Duong Van Trung	44010000082412	BIDV Quảng ninh	500.000					500.000			
69	Nguyen Thanh Tuan	44010000088757	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
70	Nguyen Thi Thuy Hang	44010000082184	BIDV Quảng ninh	845.000					845.000			
71	Nguyen Thi Du	44010000085484	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
72	Nguyen Thi Thu Huyen	44010000178287	BIDV Quảng ninh	700.000					700.000			
73	Dao Thi Thu Ha	44010000313769	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
74	Tran Thi Phuong	44010000084825	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
75	Tran Van Quan	44010000083877	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
76	Kieu Van Anh	44010000084968	BIDV Quảng ninh	650.000					650.000			

77	Nguyen Thanh Tung	44010000529399	BIDV Quảng ninh	520.000					520.000			
78	Tran Thi Thuy Nga	44010000084676	BIDV Quảng ninh	500.000					500.000			
79	Hoang Thi Thu Trang	44010000199154	BIDV Quảng ninh	8.830.000					8.830.000			
80	Nguyen Thi Bich Nga	44010000576979	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
81	Pham Ngoc Bich	44010000120428	BIDV Quảng ninh	1.235.000					1.235.000			
82	Pham Quang Huy	44010000149405	BIDV Quảng ninh	2.860.000					2.860.000			
83	Ngo Van Kien	44010000530577	BIDV Quảng ninh	585.000					585.000			
84	Nguyen Thi Hang	44010000528086	BIDV Quảng ninh	455.000					455.000			
85	Nguyen Thi Thuy	44010000086070	BIDV Quảng ninh	1.430.000					1.430.000			
86	Phan Kim Huong	44010000204447	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
87	Ly Thi Cuc	44010000485534	BIDV Quảng ninh	1.900.000					1.900.000			
88	Nguyen Binh Duy	44010000175163	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
89	Nguyen Thi Mai	44010000084232	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
90	Nguyen Thi Van Anh	44010000249749	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
91	Trinh Ngoc Duong	44010000083345	BIDV Quảng ninh	500.000					500.000			
92	Ha Van Loi	44010000335985	BIDV Quảng ninh	1.800.000					1.800.000			
93	Le Thuy Mai	44010000360826	BIDV Quảng ninh	12.900.000					12.900.000			
94	Trieu Manh Tuan	44010000249475	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
95	Vu Anh Tuan	44010000087806	BIDV Quảng ninh	2.730.000					2.730.000			
96	Hoang Huu Tuan	44010000249484	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
97	Vu Van Huan	44010000249509	BIDV Quảng ninh	260.000					260.000			
98	Vu Van Tuan	44010000252464	BIDV Quảng ninh	3.680.000					3.680.000			
99	Bui Van Trai	44010000381580	BIDV Quảng ninh	2.550.000					2.550.000			

100	Bui Thi Nguyet Anh	44010000606052	BIDV Quảng ninh	2.730.000					2.730.000			
101	Dang Thi Anh Tuyet	44010000646872	BIDV Quảng ninh	3.770.000					3.770.000			
102	Nguyen Thi Anh Trang	44010000083567	BIDV Quảng ninh	3.250.000					3.250.000			
103	Nguyen Thi Hoang Yen	44010000083354	BIDV Quảng ninh	3.510.000					3.510.000			
104	Nguyen Thi Thu Phuong	44010000205583	BIDV Quảng ninh	3.640.000					3.640.000			
105	Pham Thi Phuong Thuy	44010000120844	BIDV Quảng ninh	3.510.000					3.510.000			
106	Pham Thi Thuy	44010000082014	BIDV Quảng ninh	800.000					800.000			
107	Vu Thi Thuy	44010000082555	BIDV Quảng ninh	2.500.000					2.500.000			
108	Le Hoai Thanh	44010000085138	BIDV Quảng ninh	5.850.000					5.850.000			
109	Nguyen Thien Mung	44010000085402	BIDV Quảng ninh	6.110.000					6.110.000			
110	Dinh Thi An	44010000086715	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
111	Nguyen Thi Diep Ha	44010000086362	BIDV Quảng ninh	500.000					500.000			
112	Nguyen Van Khac	44010000085369	BIDV Quảng ninh	1.000.000					1.000.000			
113	Tran Xuan Hai	44010000085253	BIDV Quảng ninh	1.200.000					1.200.000			
114	Vu Thi Nhai	44010000086195	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
115	Pham Thi Bong	44010000083150	BIDV Quảng ninh	8.680.000					8.680.000			
116	Bui Trong Oanh	44010000577635	BIDV Quảng ninh	260.000					260.000			
117	Pham Van Nga	44010000473812	BIDV Quảng ninh	5.320.000					5.320.000			
118	Tran Manh Cuong	44010000221747	BIDV Quảng ninh	2.660.000					2.660.000			
119	Dinh Van Cuong	44010000351422	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
120	Doan Manh Linh	44010000217658	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
121	Nguyen Thi Huong	44010000119824	BIDV Quảng ninh	65.000					65.000			
122	Tran Thi Bay	44010000239379	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			

123	Vu Nguyet Hoa	44010000382079	BIDV Quảng ninh	1.355.000					1.355.000			
124	Vu Thi Hai Yen	44010000102718	BIDV Quảng ninh	65.000					65.000			
125	Vu Van Anh	44010000234709	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
126	Vu Huy Hoang	44010000258967	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
127	Ngo Minh Phuong	44010000190500	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
128	Tran Huong Giang	44010000226414	BIDV Quảng ninh	970.000					970.000			
129	Nguyen Thuy Dung	44010000329702	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
130	Pham Thi Hai Yen	44010000410527	BIDV Quảng ninh	2.000.000					2.000.000			
131	Phan Van Thuong	44010000413687	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
132	Dao Thi Tham	44010000301870	BIDV Quảng ninh	3.300.000					3.300.000			
133	Pham Kieu Linh	44010000478057	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
134	Luc Tuan Ngoc	44010000618914	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
135	Tong Dang Linh	44010000421185	BIDV Quảng ninh	930.000					930.000			
136	Vu Thi Ngoc Oanh	44010000701726	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
137	Luu Thi Tam	44010000478093	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
138	Nguyen Ngoc Linh	44010000259474	BIDV Quảng ninh	1.200.000					1.200.000			
139	Do Thi Thu	44010000086405	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
140	Tran Minh Duc	44010000381021	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
141	Tran Thu Huyen	44010000086113	BIDV Quảng ninh	1.600.000					1.600.000			
142	Dao Thi Thu Huong	44010000479661	BIDV Quảng ninh	4.480.000					4.480.000			
143	Le Hai Yen	44010000478303	BIDV Quảng ninh	5.320.000					5.320.000			
144	Nguyen Thi Ph Thao	44010000479643	BIDV Quảng ninh	1.900.000					1.900.000			
145	Pham Thi Anh Tuyet	44010000615395	BIDV Quảng ninh	1.900.000					1.900.000			

146	Tran Thi Thu Ngan	44010000812503	BIDV Quảng ninh	5.320.000					5.320.000			
147	Tran Thi Hoai	44010000818741	BIDV Quảng ninh	2.660.000					2.660.000			
148	Tran Thi Ly	44010000810598	BIDV Quảng ninh	2.660.000					2.660.000			
149	Phan Thi Thu Thuy	44010000409765	BIDV Quảng ninh	6.080.000					6.080.000			
150	Vuong Thi Lo	44010000477878	BIDV Quảng ninh	5.010.000					5.010.000			
151	Vu Thi Hue	44010000620423	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
152	Doan Thi Van Anh	44010000258505	BIDV Quảng ninh	1.080.000					1.080.000			
153	Duong Thi Thao	44010000179439	BIDV Quảng ninh	735.000					735.000			
154	Bui Nhu Quynh	44010000478118	BIDV Quảng ninh	1.080.000					1.080.000			
155	Pham Thi Hai Ninh	44010000301816	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
156	Pham Thi Nga	44010000506329	BIDV Quảng ninh	1.100.000					1.100.000			
157	Đào Thi Thuy	44010000813773	BIDV Quảng ninh	6.300.000					6.300.000			
158	Nguyen Thi Thuong	44010000701498	BIDV Quảng ninh	8.700.000					8.700.000			
159	Hoang Thuy Hang	44010000701300	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
160	On Minh An	44010000477939	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
161	Pham Thi Hue	44010000701133	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
162	Pham Thi Minh Hien	44010000701416	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
163	Vu Van Phu	44010000612679	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
164	Pham Thi Thuy	44010000615289	BIDV Quảng ninh	430.000					430.000			
165	Hoang Ha My	44010000813807	BIDV Quảng ninh	1.880.000					1.880.000			
166	Vu Thi Huong	44010000479528	BIDV Quảng ninh	345.000					345.000			
167	Do Quang The	44010000259030	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
168	Lê Đức Tuan	44010000811209	BIDV Quảng ninh	580.000					580.000			

169	Bui Thi Huong	44010000119781	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
170	Chu Tuan Thanh	44010000615678	BIDV Quảng ninh	1.650.000					1.650.000			
171	Nguyen Ngoc Diep	44010000478002	BIDV Quảng ninh	1.655.000					1.655.000			
172	Nguyen Thi Thoa	44010000381702	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
173	Pham Thi Lan Phuong	44010000620609	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
174	Pham Thi Ninh	44010000573998	BIDV Quảng ninh	700.000					700.000			
175	Tran Manh Vu	44010000592470	BIDV Quảng ninh	2.210.000					2.210.000			
176	Truong Thi Chieu Xuan	44010000701586	BIDV Quảng ninh	1.080.000					1.080.000			
177	Mai Thu Thanh	44010000252552	BIDV Quảng ninh	1.700.000					1.700.000			
178	Nguyen Thi Minh Thuong	44010000701142	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
179	Ninh Thi Phuong	44010000701249	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
180	Trinh Thi Thuy Linh	44010000436240	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
181	Nguyen Thi Tinh	44010000420845	BIDV Quảng ninh	500.000					500.000			
182	Vu Thi Huong Ngan	44010000701045	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
183	Nguyen Thi Anh Nguyet	44010000202238	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
184	Nguyen Thi Van	44010000540460	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
185	Dao Thi Hien	44010000705764	BIDV Quảng ninh	1.000.000					1.000.000			
186	Luu Thi Hoan	44010000478400	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
187	Ma Phuong Thao	44010000620636	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
188	Nguyen Trung Kien	44010000592045	BIDV Quảng ninh	520.000					520.000			
189	Tran Thi Thu Thao	44010000701267	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
190	Trinh Thi Huong	44010000592063	BIDV Quảng ninh	1.040.000					1.040.000			
191	Duong Hong Ha	44010000620627	BIDV Quảng ninh	700.000					700.000			

192	Dao Thi Huong	44010000421149	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
193	Dinh Ngoc Son	44010000477443	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
194	Le Thi Oanh	44010000616626	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
195	Nguyen Ngoc Huan	44010000422018	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
196	Vu Van Minh	44010000701124	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
197	Vu Thi Hong Yen	44010000612688	BIDV Quảng ninh	800.000					800.000			
198	Ngo Thi Quynh Trang	44010000620663	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
199	Nguyen Thi Diu	44010000356108	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
200	Nguyen Thi Huyen Trang	44010000360747	BIDV Quảng ninh	3.400.000					3.400.000			
201	Hoang Thi Chi	44010000682016	BIDV Quảng ninh	975.000					975.000			
202	Truong Thi Men	44010000533345	BIDV Quảng ninh	1.450.000					1.450.000			
203	Pham Thi Thanh	44010000810516	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			
204	Vu Thi Anh Tuyet	44010000616097	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
205	Lai Thi Thu	44010000137561	BIDV Quảng ninh	650.000					650.000			
206	Nguyen Thi Mai	44010000120394	BIDV Quảng ninh	585.000					585.000			
207	Vu Thi Tho	44010000409677	BIDV Quảng ninh	1.560.000					1.560.000			
208	Hoang Thi Phuong Thao	44010000616088	BIDV Quảng ninh	900.000					900.000			
209	Le Thi Tho	44010000610479	BIDV Quảng ninh	260.000					260.000			
210	Nguyen Thi Nhung	44010000685422	BIDV Quảng ninh	390.000					390.000			
211	Tran Thi Hoa	44010000457764	BIDV Quảng ninh	780.000					780.000			
212	Tran Thi Phuong	44010000890828	BIDV Quảng ninh	3.000.000					3.000.000			
213	Vu Phuong Tien	44010000591264	BIDV Quảng ninh	390.000					390.000			
214	Nguyen Thanh Dat	44010000690055	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			

215	Vu Thi Nga	44010000689770	BIDV Quảng ninh	260.000					260.000			
216	Vu Thi Thuong	44010000701258	BIDV Quảng ninh	500.000					500.000			
217	Do Thi Phuong	44010000324354	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
218	Ha Thi Tuyen	44010000119967	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
219	Nguyen Thi Hoi	44010000612703	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
220	Duong Thanh Duyen	44010000298185	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
221	Lam Manh Kien	44010000635171	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
222	Le Thi Quynh	44010000259085	BIDV Quảng ninh	1.500.000					1.500.000			
223	Pham Van Son	44010000615252	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
224	Bui Thi Dieu	44010000817890	BIDV Quảng ninh	1.255.000					1.255.000			
225	Vu Thi Thu	44010000701708	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
226	Tran Van Tung	44010000421565	BIDV Quảng ninh	7.800.000					7.800.000			
227	Vu Thi Man	44010000616644	BIDV Quảng ninh	6.600.000					6.600.000			
228	Vũ Thùy Dung	44010000820454	BIDV Quảng ninh	8.400.000					8.400.000			
229	Vu Thuy Trang	44010000616635	BIDV Quảng ninh	7.800.000					7.800.000			
230	Nguyen Kim Long	44010000701489	BIDV Quảng ninh	230.000					230.000			
231	Nguyen Viet Khang	44010000616024	BIDV Quảng ninh	130.000					130.000			
232	Pham Quang Tuan Anh	44010000615997	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
233	Tran Van Dung	44010000467639	BIDV Quảng ninh	1.760.000					1.760.000			
234	Lê Tien Tung	44010000810561	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
235	Lê Minh Long	44010000810613	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
236	Vu Quang Dung	44010000232606	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
237	Nguyen Thi Hai Yen	44010000810677	BIDV Quảng ninh	3.380.000					3.380.000			

238	Do Thi Thu	44510000218708	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
239	Chu Minh Tuan	44010000656844	BIDV Quảng ninh	520.000					520.000			
240	Dinh Thi Thu	44010000353127	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
241	Hoang Van Dung	44010000193651	BIDV Quảng ninh	520.000					520.000			
242	Dinh Thi Thu Hue	44010000417005	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
243	Nguyen Thi Thuan	44010000085891	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
244	Pham Thi Kim Thuy	44010000309236	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			

Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Hường

Kê Toán trưởng



Nguyễn Thị Vinh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/giao dịch viên



Duyệt lãnh đạo

Nguyễn Bá Việt

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng

được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận huyện

BIDV CHI NHÁNH QUẢNG NINH
PHÒNG GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG
Đã nhận ngày.....

GDV

KIỂM SOÁT






Người ký: Nguyễn Đăng Linh
Ngày ký: 16/03/2022 15:42:29
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nội dung: Đã hoàn thành
thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS
Số: PTDV22-.../
220315_1017339_2811001
Năm NS: 2022

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☐
Tiền mặt tại KB ☐
Tiền mặt tại NH ☒

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán chi tiền, hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân cách ly Thặng 10+11/2021 kèm theo Quyết định số 424B/QĐ-BVT ngày 23/2/2022	7799	423	132	12	5.280.000
Tổng cộng					5.280.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Hoặc người nhận tiền: Nguyễn Thị Mai Hương

Số CMND: 031171002574 Cấp ngày: 20/10/2016

Tại KBNN (NH):

Nơi cấp: Cục cảnh sát DKQL

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 15 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 15/03/2022 11:56:51
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Bá Việt
Ngày ký: 15/03/2022 14:48:31
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Bá Việt

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 16 tháng 03 năm 2022

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 16/03/2022 16:09:03
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Minh
Ngày ký: 16/03/2022 09:01:55
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Mẫu số 07

Mã hiệu:.....

Số: M01/ 220315_1017339_2811002

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số: 220315_1017339_2811001 Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Bệnh viện đa khoa
tỉnh Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1017339
Mã nguồn: 12
Mã CTMTQG, Dự án ODA:

Thanh toán trực tiếp ☒
Tạm ứng ☐
Thu hồi tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
1			PTDV22-..	14/03/2022	7799	Rút dự toán chi tiền, hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân cách ly Tháng 10+11/2021 kèm theo Quyết định số 424B/QĐ-BVT ngày 23/2/2022	57,00	80.000	80.000	5.280.000
Tổng cộng số tiền bằng số:										5.280.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng.....Số thanh toán :Năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 15/03/2022 11:56:51
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Ngày 15 tháng 03 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Nguyễn Bá Việt
Ngày ký: 15/03/2022 14:49:31
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Bá Việt

Số: 424B/QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi tiền ăn cho nhân viên y tế được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly y tế và người bị áp dụng biện pháp cách ly tại khoa Bệnh nhiệt đới
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Tháng 10+11 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác; Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BVT ngày 18/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-BVT ngày 20/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế tại khoa Bệnh nhiệt đới của Bệnh viện tháng 10+ tháng 11 năm 2021 (danh sách chi tiết kèm theo).

* Mức chi cụ thể như sau:

- Tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly tháng 10/2021

KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NQ 16/NQ-CP

Nội dung: Tiền ăn của người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ	Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng				57	5.280.000		
1	Phạm Thị Phượng	80000	21/11	26/11	6	480.000		
2	Nhâm Thị Thu Phương	80000	21/11	26/11	6	480.000		
3	Hoà Thị Hồng	80000	21/11	26/11	6	480.000		
4	Cao Thị Huyền Trang	80000	21/11	26/11	6	480.000		
5	Trịnh Thị Hương	80000	21/11	26/11	6	480.000		
6	Đoàn Thị Vân Anh	80000	21/11	26/11	6	480.000		
7	Bùi Thị Diệu	80000	21/11	26/11	6	480.000		
8	Đoàn Thị Oanh	80000	26/11	30/11	5	400.000		
9	Trịnh Thị Vân	80000	26/11	30/11	5	400.000		
10	Nguyễn Thị Út	80000	26/11	30/11	5	400.000		
1	Bùi Bích Hạnh	80000	20/10/2021	28/10/2021	9	720.000		

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

KHOA DINH DƯỠNG

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

[Signature]

[Signature]
Hoàng & Hoa

[Signature]
Trần Thị Hương

[Signature]
Ngô Thúy Hằng